

Bản án số: 237/2019/HS-ST  
Ngày 14 - 8 - 2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Từ Anh Tuấn;
2. Ông Tô Văn Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 216/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1989 tại tỉnh D; thường trú: Số 4/35 khu phố M 2, phường A, thị xã A, tỉnh D; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn D, không rõ năm sinh và bà Võ Thị C, sinh năm 1962; có 01 em ruột, sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 15/9/2007, Công an phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 150.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 12/5/2008, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản theo bản án số 101/2008/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 17/7/2009.

- Ngày 18/11/2009, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 311/2009/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/12/2010.

- Ngày 15/5/2015, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ra

quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 228/QĐ-TA, chấp hành xong quyết định ngày 18/3/2017.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 01/4/2019 cho đến nay, có mặt.

2. Danh Trọng H2, sinh năm 1985 tại tỉnh D; thường trú: 151/14A khu phố L 2, phường A, thị xã A, tỉnh D; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Danh Q (đã chết) và bà Trịnh Thị N sinh năm 1963; có 01 chị ruột, sinh năm 1983; tiền án: Ngày 17/02/2016, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo bản án số 41/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/4/2018; tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 06/8/2009, Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương ra quyết định số 2691/QĐ.UBND đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm giáo dục lao động tạo việc làm tỉnh Bình Dương, chấp hành xong quyết định vào ngày 09/8/2011;

- Ngày 13/7/2012, Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ra quyết định số 3768/QĐ – UBND đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm giáo dục lao động tạo việc làm tỉnh Bình Dương, đã chấp hành xong quyết định;

- Ngày 13/02/2015, Công an thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 76/QĐ-XPHC, đã đóng tiền phạt ngày 13/02/2015.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 01/4/2019 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến H:* Ông Trần Quang T, Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư Thành phố M, có mặt.

- *Bị hại:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1997; thường trú: Thôn K, xã D, huyện V, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: 18C/22 khu phố N 1, phường A, thị xã A, tỉnh D, có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

*Người làm chứng:*

1. Anh Lương Quang T, vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị T, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 01/4/2019, bị cáo Nguyễn Tiến H1 điều khiển xe đạp đến nhà bị cáo Danh Trọng H2 rủ H2 đi giật tài sản của người đi đường. Sau đó, H1 dùng xe mô tô kiêu dáng Dream biển số 54T3 – 2134 chở H2 ngồi ở phía sau. Khi cả hai lưu thông trên đường Nguyễn Trãi đi đến trước tiệm vàng Kim Huyền địa chỉ khu phố Nhị Đồng 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Hùng

nhìn thấy chị Trần Thị N đi bộ ngược chiều bên lề trái, trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền vàng, H1 nói H2 “điều khiển xe mô tô quay lại chạy cùng chiều với chị N”. Sau đó H1 điều khiển xe mô tô vượt lên áp sát bên phải chị N, H2 dùng tay trái giật sợi dây chuyền của chị N thì bị chị N dùng tay nắm được tay trái của H2 kéo lại làm H2, H1 cùng xe ngã xuống đường. H1 bị người dân đi đường bắt giữ tại nơi ngã xe, H2 cầm sợi dây chuyền tẩu thoát khoảng 10m thì bị người dân đi đường bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 10k, trọng lượng 09 phân 07 ly và 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, biển số 54T3- 2134.

Kết luận định giá tài sản số 105/BB.ĐG ngày 23/4/2019, Hội đồng định giá tài sản thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương kết luận 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 10k, trọng lượng 09 phân 07 ly trị giá 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người bào chữa của bị cáo Nguyễn Tiến H1 không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận định giá tài sản số 105/BB.ĐG ngày 23/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bản Cáo trạng số 234/CT-VKS ngày 04 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tiến H1 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Danh Trọng H2 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H1 mức án tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Danh Trọng H2 mức án tù 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị N khai bị chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền bằng vàng 10k, trọng lượng 09 phân 07 ly và 01 mặt dây chuyền hình bông hoa nhiều cánh giống hoa mai. Quá trình điều tra, chị N đã nhận lại 01 sợi dây chuyền bằng vàng 10k, trọng lượng 09 phân 07 ly. Đối với mặt dây chuyền hình bông hoa nhiều cánh giống hoa mai, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không phát hiện được vật chứng này. Tuy nhiên, chị N không yêu cầu các bị cáo bồi thường về mặt dây chuyền và không yêu cầu gì khác. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô biển số 54T3 – 2134 do bị cáo H2 và H1 sử dụng làm phương tiện phạm tội, qua điều tra xác minh xe không rõ nguồn gốc, cơ quan điều tra đã đăng thông tin thông báo theo quy định nhưng không tìm được chủ sở hữu, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Luật sư Trần Quang T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến H1: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo H1. Bị cáo H1 do không có tiền tiêu xài, túng thiếu nên nhất thời phạm tội, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, học vấn thấp nên chưa nhận thức được hành vi của mình thực hiện là sai trái. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H1 có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn. Đồng thời, bị hại cũng có một phần lỗi trong việc bảo vệ tài sản của mình, tại phiên tòa bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo H1 được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và không đồng ý với quan điểm của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến H1, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về căn cứ xác định các bị cáo phạm tội: Khoảng hơn 16 giờ ngày 01/4/2019, trước tiệm vàng Kim Huyền thuộc đường Nguyễn Trãi, khu phố Nhị Đồng 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, bị cáo Danh Trọng H2 điều khiển xe mô tô kiểu dáng Dream biển số 54T3 – 2134 chở bị cáo Nguyễn Tiến H1 áp sát bên phải bị hại, bị cáo H2 dùng tay trái giật đứt sợi dây chuyền của bị hại N. Chị N nắm tay trái của H2 kéo lại làm H1 và H2 té ngã xuống đường. Sau đó, bị cáo H1, H2 bị bắt giữ.

Như vậy, hành vi sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ đang lưu thông trên đường áp sát cướp giật tài sản 01 sợi dây chuyền của bị hại mà các bị cáo H1, H2 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo H1 còn có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 234/CT-VKS ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo Nguyễn Tiến H1, Danh Trọng H2 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện phạm tội một cách cô ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản, sức khỏe của chị Trần Thị N được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo H1, H2, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo H1, H2 có nhân thân xấu thể hiện việc các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, là đối tượng nghiện ma túy, đã từng bị xử phạt tù về tội Cướp giật tài sản, Trộm cắp tài sản; bị cáo H2 chưa được xóa án tích. Lạm phạm tội này của các bị cáo thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật.

[6] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo H1 là người rủ rê khởi xướng bị cáo H2 phạm tội, bị cáo H2 là người điều khiển xe chở H1 để H1 giật điện thoại, các bị cáo cùng tham gia với vai trò thực hành. Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội từng bị cáo là ngang nhau. Tuy nhiên, bị cáo H2 do chưa được xóa án tích, có thêm tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo H1, H2 là người không có nghề nghiệp ổn định, áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Trần Thị N khai tài sản bị chiếm đoạt là 01 sợi dây chuyền bằng vàng và mặt dây chuyền hình bông hoa nhiều cánh giống hoa mai. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chỉ có cơ sở xác định chị N bị chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền bằng vàng 10k và đã trả lại cho bị hại. Đối với mặt dây chuyền bị chiếm đoạt cơ quan điều tra không thu được, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường và bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 54T3 – 2134 do bị cáo H1 và H2 sử dụng làm phương tiện phạm tội, qua điều tra xác minh xe không rõ nguồn gốc, cơ quan điều tra đã đăng thông tin thông báo theo quy định nhưng không tìm được

chủ sở hữu nền cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Đối với bài bào chữa của luật sư cho bị cáo H1 đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp nên không được chấp nhận. Còn đối với các tình tiết giảm nhẹ khác, nhân thân của bị cáo H2 là phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với các bị cáo H1, H2 cũng như việc xử lý vật chứng là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[12] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về thủ tục giám định tư pháp vẫn còn thiếu sót: Cơ quan điều tra xác định tình trạng vàng và trọng lượng vàng bị chiếm đoạt tại một doanh nghiệp tư nhân là tiệm vàng Bảo Kim, không có chức năng giám định vàng (bút lục 07). Sau đó, sử dụng kết quả xác định của tiệm vàng Bảo Kim làm cơ sở để định giá là không đúng quy định. Tuy nhiên, tài sản bị chiếm đoạt hiện đã trả cho bị hại (bút lục 25) và bị hại sau khi nhận lại tài sản đã làm thất lạc nên không thể thực hiện việc giám định tư pháp.

Việc xác định tình trạng và giá trị của tài sản bị chiếm đoạt có ý nghĩa về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, không phải là yếu tố định tội danh. Tại phiên tòa, bị hại xác định không yêu cầu bồi thường gì khác. Đồng thời, các bị cáo, bị hại đều thống nhất với kết quả xác định tình trạng và trọng lượng vàng của tiệm vàng Bảo Kim, kết quả định giá. Vì vậy, việc không giám định tài sản bị chiếm đoạt của bị hại cũng không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư bào chữa cho các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[13] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo H1, H2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến H1, Danh Trọng H2 phạm tội Cướp giật tài sản.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và

Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2019.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Danh Trọng H2 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Dream, biển số 54T3- 2134 (xe không hoạt động, không kiểm tra tình trạng máy).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Tiến H1, Danh Trọng H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo (02);
- Người tham gia tố tụng (01)
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi các bị cáo cư trú (02);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Minh Hoàng**